

PHỤ LỤC 83:
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÀM THUẬN NAM

A. Giá nhóm đất nông nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
1. Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)			
+ Vị trí 1	243,00	243,00	
	220,00		
+ Vị trí 2	155,00	155,00	
	151,00		
+ Vị trí 3	108,00	108,00	
	92,00		
+ Vị trí 4	77,00	77,00	
2. Đất trồng cây lâu năm			
+ Vị trí 1	314,00	314,00	
+ Vị trí 2	188,00	188,00	
+ Vị trí 3	129,00	129,00	
+ Vị trí 4	97,00	97,00	
3. Đất rừng sản xuất			
+ Vị trí 1	61,90	61,90	
+ Vị trí 2	49,60	49,60	
+ Vị trí 3	24,80	24,80	
+ Vị trí 4		12,40	
4. Đất nuôi trồng thủy sản			
+ Vị trí 1	243,00	243,00	
+ Vị trí 2	155,00	155,00	
+ Vị trí 3	108,00	108,00	
+ Vị trí 4	77,00	77,00	

B. Giá nhóm đất phi nông nghiệp:

I. Giá đất ở:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trong bảng giá đất hiện	Giá đất đề xuất	Ghi chú
		Từ	Đến			

				hành		
1	Quốc lộ 1 A	Giáp thôn Nam Tân	Hết ranh giới Trường Tiểu học Hàm Minh 2 (trường chính)	3.400	3.400	
		Giáp Trường Tiểu học Hàm Minh 2	giáp xã Hàm Kiệm	2.450	2.450	
2	Đường liên xã (đoạn Quốc lộ 1A đi Thuận Quý)	Quốc lộ 1A	Cầu ông Sự	2.850	2.850	
		Cầu ông Sự	Ngã ba kinh tế Mũi Né	2.000	2.000	
		Ngã ba kinh tế Mũi Né	Giáp ranh khu bảo tồn	1.000	1.000	
3	Đường Hai Bà Trưng	Từ trần Hưng Đạo	Giáp cầu số 2	2.600	2.600	
		Từ cầu số 2 đến giáp	Khu du lịch Tà Cú cuối đường	2.000	2.000	
4	Các tuyến đường thuộc Khu dân cư Thuận Nam			3.700	3.800	
5	Đường Lê Duẩn	Toàn bộ con đường		2.600	2.600	
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (công văn hóa thôn Nam Trung)		Giáp đường Lê Duẩn	2.500	2.500	
	Đường Trường Chinh (vào hồ Tân Lập	Toàn bộ tuyến đường		2.600	2.600	
6	Đường Quang Trung	Quốc lộ 1A vào 400m		2.700	2.700	
		Đoạn còn lại			2.500	
7	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Thành	2.200	2.530	
8	Nguyễn Văn Linh	Từ Quốc lộ 1A	Cộng thêm 300m	6.400	6.400	
		Đoạn còn lại		5.100	5.100	
9	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Linh	Giáp cầu (Quán cây Dừa)	4.000	4.000	
		Từ cầu (Quán cây Dừa)	Giáp đường Nguyễn Minh Châu	2.300	2.300	
10	Nguyễn Trãi	Từ Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Tân Lập	4.600	4.600	
		Các đoạn đường còn lại		2.900	2.900	
11	Trần Hưng Đạo	Từ giáp đường Quang Trung	Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an xã Hàm Thuận Nam)	5.000	5.000	
		Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an xã Hàm Thuận Nam)	Bưu điện Thuận Nam	6.400	6.400	

		Bưu điện Thuận Nam	Cầu Ông Quý	7.400	7.400	
		Từ Cầu ông Quý	địa giới hành chính xã Tân Lập	5.000	5.000	
12	Các tuyến đường còn lại có chiều rộng $\geq 4m$			1.300	1.300	
13	Đường Trần Phú (toàn tuyến)			5.600	5.600	
14	Đường Nguyễn Du	Quốc lộ 1A (Km 31)	Giáp xã Tân Lập	1.300	1.300	
15	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1 A	Đường Lê Duẩn	1.300	1.300	
16	Đường Trần Quang Diệu	Nguyễn Văn Linh	Cuối khu dân cư	3.700	3.700	
17	Đường Bùi Thị Xuân	Sau chợ Thuận Nam	Cuối khu dân cư	3.700	3.700	
18	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1A (ViettinBank)	Giáp Lê Duẩn	1.300	1.300	
19	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Lập	1.300	1.300	
20	Đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Lập	1.300	1.300	
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Quốc lộ 1A	Đường Ngô Gia Tự	1.300	1.300	
22	Đường Nguyễn Thị Định	Quốc lộ 1A	Đường Ngô Gia Tự	1.300	1.300	
23	Đường Nguyễn Tri Phương	Vật liệu xây dựng Minh Hoà	Khu dân cư	1.300	1.300	
24	Đường Ngô Gia Tự	Nguyễn Trãi	Khu dân cư	1.300	1.300	
25	Đường Lương Văn Năm	Nguyễn Minh Châu	Cầu Hiệp Tân	800	800	
26	Các tuyến đường nhựa trung tâm hành chính Xã				2.500	
27	Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	cuối thôn Minh Hoà Km 1730		4.400	
28	Đường từ Trung tâm dạy nghề đi xã Tân Lập (đoạn Lê Duẩn nối dài)	Trung tâm dạy nghề	Giáp xã Tân Lập		1.300	

II. Giá đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sử dụng có thời hạn, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
1	Quốc lộ 1 A	Giáp thôn Nam Tân	Hết ranh giới Trường Tiểu học Hàm Minh 2 (trường chính)	2.380	2.040	2.380	
		Giáp Trường Tiểu học Hàm Minh 2	giáp xã Hàm Kiệm	1.715	1.470	1.715	
2	Đường liên xã (đoạn Quốc lộ 1A đi Thuận Quý)	Quốc lộ 1A	Cầu ông Sự	1.995	1.710	1.995	
		Cầu ông Sự	Ngã ba kinh tế Mũi Né	1.400	1.200	1.400	
		Ngã ba kinh tế Mũi Né	Giáp ranh khu bảo tồn	700	600	700	
3	Đường Hai Bà Trưng	Từ trần Hưng Đạo	Giáp cầu số 2	1.820	1.560	1.820	
		Từ cầu số 2 đến giáp	Khu du lịch Tà Cú cuối đường	1.400	1.200	1.400	
4	Các tuyến đường thuộc Khu dân cư Thuận Nam			2.660	2.280	2.660	
5	Đường Lê Duẩn	Toàn bộ con đường		1.820	1.820	1.560	
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (cổng văn hóa thôn Nam Trung)		Giáp đường Lê Duẩn	1.750	1.750	1.500	
	Đường Trường Chinh (vào hồ Tân Lập)	Toàn bộ tuyến đường		1.820	1.820	1.560	
6	Đường Quang Trung	Quốc lộ 1A vào 400m		1.890	1.620	1.890	
		Đoạn còn lại		1.750	1.500	1.750	

7	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Thành	1.771	1.518	1.771	
8	Nguyễn Văn Linh	Từ Quốc lộ 1A	Cộng thêm 300m	4.480	3.840	4.480	
		Đoạn còn lại		3.570	3.060	3.570	
9	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Linh	Giáp cầu (Quán cây Dừa)	2.800	2.400	2.800	
		Từ cầu (Quán cây Dừa)	Giáp đường Nguyễn Minh Châu	1.610	1.380	1.610	
10	Nguyễn Trãi	Từ Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Tân Lập	3.220	2.760	3.220	
		Các đoạn đường còn lại		2.030	1.740	2.030	
11	Trần Hưng Đạo	Từ giáp đường Quang Trung	Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an xã Hàm Thuận Nam)	3.500	3.000	3.500	
		Giáp đường Trần Phú (ngã 3 Công an xã Hàm Thuận Nam)	Bưu điện Thuận Nam	4.480	3.840	4.480	
		Bưu điện Thuận Nam	Cầu Ông Quý	5.180	4.440	5.180	
		Từ Cầu ông Quý	địa giới hành chính xã Tân Lập	3.500	3.000	3.500	
12	Các tuyến đường còn lại có chiều rộng $\geq 4m$			910	780	910	
13	Đường Trần Phú (toàn tuyến)			3.920	3.360	3.920	
14	Đường Nguyễn Du	Quốc lộ 1A (Km 31)	Giáp xã Tân Lập	910	780	910	
15	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1 A	Đường Lê Duẩn	910	780	910	
16	Đường Trần Quang Diệu	Nguyễn Văn Linh	Cuối khu dân cư	2.590	2.220	2.590	
17	Đường Bùi Thị	Sau chợ Thuận Nam	Cuối khu dân cư	2.590	2.220	2.590	

	Xuân						
18	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1A (ViettinBank)	Giáp Lê Duẩn	910	780	910	
19	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Lập	910	780	910	
20	Đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Trãi	Giáp xã Tân Lập	910	780	910	
21	Đường Tô Vĩnh Diện	Quốc lộ 1A	Đường Ngô Gia Tự	910	780	910	
22	Đường Nguyễn Thị Định	Quốc lộ 1A	Đường Ngô Gia Tự	910	780	910	
23	Đường Nguyễn Tri Phương	Vật liệu xây dựng Minh Hoà	Khu dân cư	910	780	910	
24	Đường Ngô Gia Tự	Nguyễn Trãi	Khu dân cư	910	780	910	
25	Đường Lương Văn Năm	Nguyễn Minh Châu	Cầu Hiệp Tân	560	480	560	
26	Các tuyến đường nhựa trung tâm hành chính Xã			1.750	1.500	1.750	
27	Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	cuối thôn Minh Hoà Km 1730	3.080	2.640	3.080	
28	Đường từ Trung tâm dạy nghề đi xã Tân Lập (đoạn Lê Duẩn nối dài)	Trung tâm dạy nghề	Giáp xã Tân Lập	910	780	910	